CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
Date: 2026.11.25 16:42:21 +07'00'

DRAGON CAPITAL

Số :2311/DCVFM.2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
Dear: Vietnam Exchange/Hanoi Stock Exchange/Hochiminh Stock Exchange

- Tên Công ty quản lý quỹ/ Fund Management company:Công ty CP QLQ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam/DCVFM
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/VCB
- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/ Fund name: DCVFMVN DIAMOND ETF
- Mã chứng khoán/Securities code: FUEVFVND
- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP.HCM/ 15th Floor, Melinh Point Tower, 02 Ngo Duc Ke, Sai Gon Ward, HCMC
- Điện thoại/ Tel: 84 28 3825 1488 Fax: 84 28 3825 1489
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **23/11/2026**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares

Danh mục và tỷ lệ CKCC hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng (CP) / Giá trị (VND) Volume/ Amount	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	2,975,615,000	99.51%
1	ACB	8,600	5.64%
2	BMP	400	1.72%
3	CTD	1,200	2.92%
4	CTG	2,000	2.01%
5	FPT	7,500	11.29%
6	GMD	8,700	14.55%
7	HDB	9,100	6.63%
8	MBB	11,700	7.14%
9	MSB	1,400	0.77%
10	MWG	6,300	15.11%
11	NLG	5,400	4.19%
12	OCB	1,900	0.67%
13	PNJ	7,700	3.48%
14	REE	4,100	6.38%
15	TCB	13,600	9.64%
16	TPB	1,900	0.78%
17	VPB	9,600	6.58%
II.	Tiền/ Cash (VND)	14,727,916	0%
III.	Tổng / Total (=I+II)	2,990,342,916	100.00%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between the value of basket and the value per lot of ETF:
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 2,975,615,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 2,990,342,916
+ Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 14,727,916

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu trong danh mục được thay thế bằng tiền (nếu có)
In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán Securities symbol	Tiền thay thế 1 chứng khoán cơ cấu đối với lệnh mua CCQ (VND)* Cash amount for 1 share in a creation order (VND)*	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do State the reason
MWG	78,870	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

REE	51,205	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

* Đối với lệnh hoán đổi bán (redemption) sẽ tuỳ thuộc vào giá CTQLQ bán ra thực tế trên thị trường
For redemption orders, the cash amount will depend on the market price at which FMC sells the securities on the exchange.
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)
State if component securities shall have corporate action (if any):
- Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có)/The correction and cancellation of transaction errors (if any):
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other relevant information (if any):

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 23/11/2026	Kỳ trước/Last period (**) 20/11/2026	Chênh lệch/ Changes
1.Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	1	2	-1
2.Số lô đã mua lại Creation Units were redeemed	3	0	3
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	323,400,000	323,600,000	-200,000
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	30,370	29,850	520
5.Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	9,670,768,992,954	9,773,560,216,815	-102,791,223,861
của một lô ETF/per Creation Unit	2,990,342,917	3,021,193,266	-30,850,349
của một chứng chỉ quỹ/per Share	29,903.42	30,211.93	-308.51
6.Chỉ số tham chiếu (VN Diamond) Benchmark Index (VN Diamond)	2,014.79	2,004.60	10.19

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 22/11/2026/(*)The criteria #5 is represented by NAV as at 22/11/2026
(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 19/11/2026/(**)The criteria #5 is represented by NAV as at 19/11/2026

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.
We declare that all information provided in this paper is true and accurate;we shall be legally responsible for any mispresentation.

ĐẠI DIỆN CTCP QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
Representative of Dragon Capital VietFund Management JSC
Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Lê Hoàng Anh
Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư
Ngày ký/Date: 25/11/2026